TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/KDTM - PT
Ngày 02 tháng 12 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Thành
Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

Ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 năm 2024 và ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 10/2024/TLPT- KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 378/2024/QĐ – PT ngày 01 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N1

Địa chỉ: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N1; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: + Ông Mai Văn K - Giám đốc Ngân hàng N1, chi nhánh huyện L; vắng mặt.

+ Ông Trương Hải N - Phó Giám đốc Ngân hàng N1, chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn X

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn T - Giám đốc; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Ngô Duy H, bà Đỗ Thị Hồng H1.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Ngô Duy H và bà Đỗ Thị Hồng H1.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 03/2024/KDTM – ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2008 Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (viết tắt là bị đơn) ký kết với Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình (viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 2008DN0014/HĐTD ngày 09/5/2008, để vay số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), kỳ hạn vay 36 tháng (từ ngày 09/5/2008 đến 09/5/2011), lãi suất 1,7%/tháng, nếu bên vay không có khả năng trả nợ đúng hạn tiền gốc, tiền lãi thì không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, nợ lãi và không được gia hạn nợ gốc, lãi suất 2,55%/tháng đối với số dự nợ gốc thực tế quá hạn. Để đảm bảo vốn vay cho bị đơn bà Đỗ Thị Hồng H1 đã ký kết hợp đồng thể chấp số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 05 xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AC 215209 ngày 04/01/2006 mang tên bà Đỗ Thị Hồng H1. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và 8.840.000 đồng tiền lãi; năm 2013 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 27/8/2024 là 494.288.400 đồng; trong đó nợ gốc 275.000.000 đồng, nợ lãi 219.288.400 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM – ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử (27/8/2024) số tiền 494.288.400 đồng, trong đó nợ gốc 275.000.000 đồng, nợ lãi 219.288.400 đồng. Trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 05 xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình để thu hồi nợ. Kế tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (27/8/2024) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 2008DN0014/HĐTD ngày 09/5/2008.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí vụ kiện và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 ông Ngô Duy H, bà Đỗ Thị Hồng H1 làm đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm không

chấp nhận việc xử lý tài sản thế chấp của bà Đỗ Thị Hồng H1 tại hợp đồng thế chấp số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008, vì ông Ngô Duy H là đồng sở hữu tài sản nhưng không ký vào hợp đồng thế chấp tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn đề nghị Ngân hàng miễn, giảm lãi suất; ông Ngô Duy H, bà Đỗ Thị Hồng H1 giữ nguyên đơn kháng cáo không chấp nhận xử lý tài sản thế chấp. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông H, bà H1 để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 vô hiệu; buộc Ngân hàng trả lại GCNQSDĐ số AC 215209 ngày 04/01/2006 cho ông Ngô Duy H, bà Đỗ Thị Hồng H1. Bà Đỗ Thị Hồng H1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hàng nếu bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ; ông H2, bà H1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn và người liên quan vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 27 tháng 8 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử và ban hành Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM – ST. Ngày 09 tháng 9 năm 2024 ông Ngô Duy H và bà Đỗ Thị Hồng H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án kháng cáo. Đơn kháng cáo của ông H, bà H1 làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, bà H1 để xét xử phúc thẩm.

[2] Tại tiểu mục 2.2, mục 2 phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án quy định án phí tranh chấp về kinh doanh, thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng. Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm thông báo nộp tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm cho đương sự có kháng cáo 300.000 đồng là không đúng quy định; mặt khác việc thu tiền tạm ứng án phí vụ kiện tính đến số đồng là không cần thiết (Trong vụ án này tạm thu

11.776.620 đồng) làm ảnh hưởng đến việc thu, chi của các cơ quan và đương sự nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm Ngân hàng, bị đơn thừa nhận ngày 09/5/2008 giữa Ngân hàng và bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng số 2008DN0014/HĐTD ngày 09/5/2008 về việc bị đơn vay Ngân hàng 300.000.000 đồng, kỳ hạn vay 36 tháng (từ ngày 09/5/2008 đến 09/5/2011), lãi suất 1,7%/tháng, nếu bên vay không có khả năng trả nợ đúng hạn tiền gốc, tiền lãi thì không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, nợ lãi và không được gia hạn nợ gốc, lãi suất 2,55%/tháng đối với số dự nợ gốc thực tế quá hạn.

[4] Bà Đỗ Thị Hồng H1 thừa nhận đã ký kết hợp đồng thể chấp số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 05 xã D, huyện L đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số AC 215209 ngày 04/01/2006 mang tên bà Đỗ Thị Hồng H1 để đảm bảo vốn vay cho hợp đồng tín dụng số 2008DN0014/HĐTD ngày 09/5/2008 ký kết giữa bị đơn và Ngân hàng.

[5] Ngân hàng và bị đơn thừa nhận quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả được 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và 8.840.000 đồng tiền lãi; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2024 bị đơn còn nợ Ngân hàng 275.000.000 đồng nợ gốc và 219.288.400 đồng nợ lãi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng là có căn cứ.

[6] Việc ông Ngô Duy H và bà Đỗ Thị Hồng H1 kháng cáo không chấp nhận xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thể chấp số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 05 xã D, huyện L đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số AC 215209 ngày 04/01/2006 mang tên bà Đỗ Thị Hồng H1, thấy: Ông Ngô Duy H và bà Đỗ Thị Hồng H1 là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện L vào năm 1997; năm 2006 bà Đỗ Thị Hồng H1 được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số AC 215209 ngày 04/01/2006 tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 05 xã D, huyện L; nguồn gốc sử dụng đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

[7] Như vậy, bà Đỗ Thị Hồng H1 được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định tại Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì đây là tài sản chung, thuộc sở hữu chung của ông Ngô Duy H và bà Đỗ Thị Hồng H1. Năm 2008 một mình bà Đỗ Thị Hồng H1 ký kết hợp đồng thể chấp số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 181, Tờ bản đồ số 05 xã D, huyện L đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số AC 215209 ngày 04/01/2006 nhưng không được sự đồng ý của ông Ngô Duy H (ông H không tham gia ký kết hợp đồng thế chấp) là

trái quy định làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Ngô Duy H nên hợp đồng thế chấp tài sản này bị vô hiệu.

[8] Từ các phân tích trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trong trường hợp bị đơn không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 05 xã D, huyện L đã được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số AC 215209 ngày 04/01/2006 mang tên bà Đỗ Thị Hồng H1 để thu hồi nợ là không đúng. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của ông H, bà H1 để sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần khởi kiện của Ngân hàng để tuyên bố hợp đồng thể chấp tài sản số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 ký kết giữa Ngân hàng, bị đơn và bà Đỗ Thị Hồng H1 bị vô hiệu; buộc Ngân hàng phải trả lại GCNQSDĐ số AC 215209 ngày 04/01/2006 cho ông H, bà H1.

[9] Tuy nhiên, việc bà Đỗ Thị Hồng H1 ký kết hợp đồng thể chấp tài sản số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 là hoàn toàn tự nguyện, do đó trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 2008DN0014/HĐTD ngày 09/5/2008 ký kết giữa bị đơn và Ngân hàng thì bà Đỗ Thị Hồng H1 phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng về việc bảo lãnh của mình đối với hợp đồng tín dụng này.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc buộc bị đơn phải trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng; án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và tiền chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Ông Ngô Duy H và bà Đỗ Thị Hồng H1 kháng cáo được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 123, Điều 213 và Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Ngô Duy H và bà Đỗ Thị Hồng H1 để sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM – ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

2. Không chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng N1. Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số 2008DN0014/HĐTC ngày 09/5/2008 ký kết giữa Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình; Công ty trách nhiệm hữu hạn X và bà Đỗ Thị Hồng H1 bị vô hiệu.

3. Buộc Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình trả lại cho bà Đỗ Thị Hồng H1 và ông Ngô Duy H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 215209 ngày 04/01/2006 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Đỗ Thị Hồng H1 tại thửa đất số 181, tờ bản đồ số 05 xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

4. Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn X không trả nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 2008DN0014/HĐTD đã ký kết ngày 09/5/2008 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn X và Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình thì bà Đỗ Thị Hồng H1 phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình về việc bảo lãnh của mình.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn X phải trả 275.000.000 đồng nợ gốc, 219.288.400 đồng nợ lãi và lãi suất phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm cho Ngân hàng N1; án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí và nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Ông Ngô Duy H, bà Đỗ Thị Hồng H1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004446 ngày 16/9/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 02/12/2024.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- CCTHADS huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa